

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. LIÊN CHIỀU - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 160/2019/QĐST-HNGĐ

Liên Chiều, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của
Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm hòa giải - đối thoại Tòa án nhân dân quận Liên Chiều, thành phố Đà Nẵng lập ngày 09 tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 280/2019/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1985. Địa chỉ: Tổ 39C, phường H, quận L, thành phố Đ.

Ông **Lê Văn C** - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ 39C, phường H, quận L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C xây dựng gia đình vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau. Bà N, ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C xác định có 02 con chung tên: Lê Thị Bích N - Sinh ngày 04/9/2013 và Lê Huy H - Sinh ngày 05/01/2016. Bà N, ông C thỏa thuận về việc nuôi 02 con chung như sau: Bà Nguyễn

Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Bích N – Sinh ngày 04/9/2013 và Lê Huy H - Sinh ngày 05/01/2016. Ông Lê Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con kể từ tháng 9/2019 và vào ngày 15 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C xác định không có nợ chung.

Xét thấy: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Việc ông bà xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Bà N, ông C về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2013, ngày 14/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C về việc nuôi con chung như sau: Bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Bích N - Sinh ngày 04/9/2013 và Lê Huy H - Sinh ngày 05/01/2016. Ông Lê Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con kể từ tháng 9/2019 và vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng mà Bà N, ông C đã nộp theo biên lai thu số 0006349 ngày 09/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CCTHADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Phú Thuận,
H. Phú Vang, T. Thừa Thiên Huế
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Cúc

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 09 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

Ông **Huỳnh Như Đức** - Sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 47 phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Bà **Đào Thị Hoa** - Sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 47 phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/98, quyển số I ngày 05/5/1998 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh (nay là phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng) không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Huỳnh Như Đức và bà Đào Thị Hoa về việc nuôi con chung như sau: Bà Đào Thị Hoa trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Thu Hà, sinh ngày 09/8/2003 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Như Đức tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2019 và vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với con chung Huỳnh Anh Tuấn, sinh ngày 28/10/1999 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Huỳnh Như Đức và bà Đào Thị Hoa tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Huỳnh Như Đức và bà Đào Thị Hoa xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Huỳnh Như Đức và bà Đào Thị Hoa tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0006050 ngày 09/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Huỳnh Như Đức và bà Đào Thị Hoa đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Cục THADS Q. Liên Chiểu;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- UBND P. Hòa Khánh
(nay là P. Hòa Khánh Bắc,
Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Cúc